

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 18/2022/HNGĐ-GĐT

Ngày: 26/9/2022

Về vụ án: “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán xét xử giám đốc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Phương, Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hôn nhân và gia đình về “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1963; địa chỉ: 558/35 HTP, Khu phố 2, phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Cù Khắc D, sinh năm 1962; địa chỉ: 502/11/4H Khu phố 2, phường BT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Cù Khắc D ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 882/2016/QĐST - HNGĐ của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó về tài sản chung và con chung bà H và ông D tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Cù Khắc D và ông Nguyễn Văn B trả cho bà 3.800.000.000 đồng là tiền bà mua nhà của ông B. Căn cứ để bà H yêu cầu chia số tiền nêu trên là vì trong thời kỳ hôn nhân, bà H có mua 02 căn nhà số 1027/12A và 1027/12B HTP, Khu phố 3, phường PT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất với giá 5.000.000.000 đồng của ông B, việc mua bán chỉ làm giấy tờ hai bên ký, không làm được thủ tục mua bán tại Phòng công chứng theo quy định của pháp luật.

Bà H đã đưa cho ông B 06 lần tiền, tổng cộng là 3.800.000.000 đồng. Bà đã yêu cầu ông B tiến hành thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất rồi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tại Phòng công chứng cho bà nhưng ông B nhiều lần hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện.

Do không thấy ông B thực hiện thỏa thuận nên năm 2013, bà H đã khởi kiện ông B tại Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà H mới được biết ông D đã tự ý thỏa thuận với ông B về việc chấm dứt hợp đồng mua bán 02 căn nhà trên và ông D đã nhận lại từ ông B số tiền 3.800.000.000 đồng nhưng không nói cho bà H biết. Khi giải quyết ly hôn thì giữa bà H và ông D chỉ giải quyết các bất động sản và hai chiếc ô tô, hai bên chưa đề cập và chưa chia số tiền 3.800.000.000 đồng vì bà H cho rằng ông B nhận tiền trực tiếp từ bà H thì ông B phải trả cho bà H.

Tại Đơn yêu cầu không đưa người tham gia tố tụng ngày 14/9/2020, bà H đề nghị Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không đưa ông B vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 22/10/2018, bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà H chỉ khởi kiện yêu cầu ông D trả 1.900.000.000 đồng, không có yêu cầu khởi kiện đối với ông B.

Bà H đề nghị Hội đồng xét xử sử dụng các chứng cứ trong các hồ sơ trước đây bà H khởi kiện ông B, ông D tại Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh làm chứng cứ cho vụ án này.

Bị đơn là ông Cù Khắc D trình bày:

Trong thời gian chung sống, ông D và bà H có đặt cọc cho ông B 3.800.000.000 đồng để mua căn nhà số 1027/12A và 1027/12B HTP, Khu phố 3, phường PT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng ngày 30/8/2012, bà H bỏ nhà đi, mang theo tất cả tài sản chung của vợ chồng, bao gồm: giấy tờ nhà, tiền bạc, trang sức, giấy ngân hàng. Ông D đã khai báo Công an phường PT, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bà H bỏ nhà đi và các nội dung trên. Vì cần

tiền sinh hoạt và thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như không có khả năng thanh toán tiếp cho các hợp đồng mua bán nhà với ông B, nên ông D đề nghị với ông B về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán 02 căn nhà trên. Việc này bà H có biết, nên rút đơn khởi kiện đối với ông B, được Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ theo Quyết định đình chỉ số 34/2014/QĐST - DS ngày 10/02/2014. Sau đó, vợ chồng ổn thỏa nên bà H chấp nhận quay về sống chung với ông D, rút đơn ly hôn và Tòa án nhân dân Quận B đình chỉ theo quyết định số 408/2015/HNGĐ-ST ngày 13/7/2015.

Suốt khoảng thời gian bà H bỏ đi và nộp đơn ly hôn rồi rút đơn quay về đoàn tụ, bà H đều biết khoản tiền đó ông D và bà H đã sử dụng hết trong thời kỳ hôn nhân như thế nào, nên khi thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 882/2016/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân Quận B thì ông D và bà H đã chia hết tài sản chung.

Tại Đơn phản tố ngày 15/11/2013 trong vụ án “Ly hôn và chia tài sản” theo Thông báo thụ lý vụ án số 72/TB- TLVA ngày 07/3/2013 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông D có trình bày khoản tiền 3.800.000.000 đồng lấy từ ông B, thì ông đã dùng số tiền này để trả nợ vay của vợ chồng.

Ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì số tiền 3.800.000.000 đồng nêu trên hiện nay không còn nên không thể chia.

Ông D đồng ý sử dụng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà nguyên đơn khởi kiện từ năm 2013 làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 665/2020/HNGĐ-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Văn B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H về việc buộc bị đơn ông Cù Khắc D phải chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung là số tiền 3.800.000.000 đồng, phần bà H được ông D chia là 1.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2020, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ H kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 501/2021/HNGĐ-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ H, sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nêu trên:

1. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Văn B.

2. Xác định số tiền 3.800.000.000 đồng là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Cù Khắc D.

Ông Cù Khắc D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trị giá $\frac{1}{2}$ số tiền 3.800.000.000 đồng tương đương số tiền 1.900.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/3/2022, ông Cù Khắc D nộp đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 501/2021/HNGĐ-PT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại quyết định số 09/2022/KN-HNGĐ ngày 02/8/2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán-Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 501/2021/DS-PT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 665/2020/HNGĐ-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ H cho rằng bà và ông Cù Khắc D đã đặt cọc cho ông Nguyễn Văn B để mua nhà của ông B với số tiền 3.800.000.000 đồng là tài sản chung của bà và ông D; do sau đó ông B đã trả lại cho ông D số tiền này, nên bà đề nghị Tòa án buộc ông D phải chia cho bà 50% số tiền trên, bằng 1.900.000.000 đồng. Ông D cho rằng ông đã dùng số tiền 3.800.000.000 đồng để trả các khoản nợ chung của ông và bà H; năm 2016 ông và bà H cũng đã thỏa thuận và thực hiện việc phân chia tài sản chung; bà H đã nhận đủ phần tài sản theo thỏa thuận, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2] Năm 2013, bà H khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà, ông D với ông B và yêu cầu ông B trả lại số tiền

3.800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Quá trình Tòa án nhân dân Quận B giải quyết yêu cầu của bà H đối với ông B thì bà H được biết ông B đã trả lại tiền cho ông D nên bà H đã rút đơn khởi kiện. Như vậy, trước khi thuận tình ly hôn ông D (năm 2016) thì bà H đã biết ông D đã nhận lại số tiền 3.800.000.000 đồng từ ông B trả. Trong vụ án này bà H lại cho rằng bà không biết ông D quản lý số tiền ông B trả lại, nên số tiền này chưa được liệt kê vào tài sản chung vợ chồng để phân chia. Lời trình bày của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Ngày 07/3/2016, tại Tòa án nhân dân Quận B, bà H và ông D đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung và cùng ký “Giấy thỏa thuận”, trong đó mỗi bên thể hiện ý chí như sau: bà H “chấp nhận ly hôn và nhận từ ông D 7 tỷ đồng, sẽ bàn giao tất cả bản chính cũng như các giấy tờ khác có liên quan đến tài sản chung vợ chồng và cam kết không tranh chấp, không yêu cầu phân chia gì về các tài sản chung sau khi đã nhận tiền”; ông D “chấp nhận ly hôn và đồng ý cho bà H 02 chiếc xe (có biển kiểm soát cụ thể) nhưng chỉ sau khi bà H đã hợp tác giải quyết xong các thủ tục pháp lý hành chính sang tên về tài sản tranh chấp. Về phần 7 tỷ đồng sẽ thực hiện theo các lần thanh toán như trên (trong Giấy thỏa thuận đã ghi từng thời điểm và số tiền cụ thể ông D sẽ thanh toán chia cho bà H). Đồng thời ông D cũng chấp nhận thanh toán các khoản nợ chung như sau: .. (có liệt kê từng khoản nợ từng Ngân hàng theo từng hợp đồng tín dụng với số tiền cụ thể)”. Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận B, bà H đã trình bày: “Chúng tôi thuận tình ly hôn. Khối tài sản chung trị giá 14 (mười bốn tỷ) đồng, tài sản chung giao lại toàn bộ cho ông D và ông D giao lại cho tôi số tiền 7.000.000.000 (bảy tỷ đồng). Tôi đã nhận đủ số tiền 7.000.000.000 (bảy tỷ đồng) từ ông D”. Như vậy, ông D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về việc chia tài sản cho bà H theo thỏa thuận của hai bên ngày 07/3/2016. Đối trừ lại thì sau khi đã nhận đủ tiền, bà H không còn quyền tranh chấp, yêu cầu phân chia tài sản chung với ông D như bà H đã cam kết.

[4] Các đương sự xác nhận kể từ ngày 30/8/2012 (ngày bà H bỏ nhà ra ngoài sinh sống), toàn bộ số nợ trong thời kỳ hôn nhân đều do một mình ông D trả; trong thời gian này, ông D không bán bớt bất kỳ tài sản chung nào để trả nợ và vẫn đảm bảo thanh toán đúng hạn các khoản vay mà đã dùng tài sản chung để thế chấp; đến thời điểm thuận tình ly hôn thì tất cả các khoản nợ chung đã được ông D trả hết. Như vậy, về ý thức chủ quan bà H biết số tiền 3.800.000.000 đồng đã được ông D dùng để thanh toán các khoản nợ chung của vợ chồng, nên khi thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/3/2016 thì bà H và ông D đã không liệt kê số tiền này vào tài sản chung để phân chia.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, đánh giá đúng bản chất của vụ án, từ đó quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng trong Giấy thỏa thuận ngày 07/3/2016 chưa liệt kê số tiền 3.800.000.000 đồng vào khối tài sản chung để phân chia, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là kết luận không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Cù Khắc D. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị số 09/2022/KN-HNGĐ ngày 02/8/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 334; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 09/2022/KN-HNGĐ ngày 02/8/2022. của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 501/2021/HNGĐ-PT ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 665/2020/HNGĐ-ST ngày 27/10/2020 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” giữa nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Mỹ H với bị đơn là ông Cù Khắc D.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC (để báo cáo);
- VKSNDCC tại TP. HCM (kèm hồ sơ vụ án);
- Vụ pháp chế VKHXX TANDTC;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, Phòng HCTP, Phòng GDKT.III; HSYA (MP).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường